

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2025/LĐ-ST

Ngày: 17-7-2025

V/v: “Tranh chấp về hợp đồng
lao động”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Kim Thu - Nguyên Trưởng Phòng Lao động thương binh và Xã hội thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Ông Nguyễn Hồng Việt – Công chức tư pháp UBND phường Bình Hoà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 187/2025/TLST-LĐ ngày 09 tháng 4 năm 2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng lao động”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 291/2025/QĐXXST-LĐ ngày 09 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 138/2025/QĐST-DS ngày 27/6/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1986; thường trú: Tổ C, ấp P, xã P, thị xã T, tỉnh An Giang (nay là xã V, tỉnh An Giang).

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Anh L, sinh năm 1991 và/hoặc Bà Lê Thị Như Q, sinh năm 2001 và/hoặc ông Trần Minh T, sinh năm 2001; địa chỉ: đường N, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản uỷ quyền ngày 17/3/2025), có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Trịnh Thị Mỹ D, sinh năm 1988; thường trú: Tổ C, ấp P, xã P, thị xã T, tỉnh An Giang (nay là xã V, tỉnh An Giang); trú tại: I khu phố Đ, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là đường N, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh), có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Công ty TNHH N (V); địa chỉ: Lô D, khu công nghiệp V, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Bà Chang Y, chức vụ: Tổng giám đốc,

+ Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu); trụ sở: khu phố B, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là đường N, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh), có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 17/3/2025, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc B trình bày:

Vì có nhu cầu rút sổ bảo hiểm xã hội nên bà B có liên hệ Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu) thì bà B được biết thời điểm từ tháng 9 năm 2010 đến tháng 10 năm 2010 bà B có ký hợp đồng và làm việc tại Công ty TNHH N (V), có tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty này. Tuy nhiên, thực tế thời gian trên bà B đang làm việc tại công ty khác, đồng thời bà B có cho bà Trịnh Thị Mỹ D mượn chứng minh nhân dân của bà B để ký hợp đồng, làm việc tại Công ty TNHH N (V).

Nay bà B yêu cầu toà án giải quyết: Tuyên hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động có tên Nguyễn Thị Ngọc B (do bà Trịnh Thị Mỹ D) là người ký kết với người sử dụng lao động là Công ty TNHH N (V) trong khoảng thời gian làm từ tháng 8 năm 2008 đến tháng 02 năm 2009 là vô hiệu toàn bộ, đồng thời có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn bà Trịnh Thị Mỹ D trình bày: Bà và bà B là bà D là bà con trong gia đình, vào thời điểm tháng 8 năm 2008 đến tháng 02 năm 2009 bà có mượn chứng minh nhân dân của bà B để ký hợp đồng với Công ty TNHH N (V) và được Công ty T1 từ tháng 8 năm 2008 đến tháng 02 năm 2009, trong thời gian này bà B đang làm việc tại Công ty khác, nay trước yêu cầu khởi kiện của bà B thì bà thống nhất, bà tự nguyện từ bỏ toàn bộ quyền lợi phát sinh với tư cách là người lao động trong trường hợp toà án tuyên hợp đồng lao động vô hiệu và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Tại văn bản ngày 20/6/2025 người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH N (V) trình bày: Vào tháng 8 năm 2008 giữa Công ty TNHH N (V) và bà Nguyễn Thị Ngọc B (người ký là Trịnh Thị Mỹ D, nay công ty mới biết) có ký hợp đồng lao động. Thời gian bà Trịnh Thị Mỹ D (trên giấy tờ tên bà B) làm việc tại Công ty thì Công ty có đóng bảo hiểm xã hội cho bà B đầy đủ, đồng thời cung cấp cho công ty hồ sơ xin việc cho công ty đều thể hiện tên Nguyễn Thị Ngọc B và hàng tháng Công ty đều đóng bảo hiểm xã hội cho bà B. Việc bà D có hành vi lừa dối mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động với Công ty là hành vi trái pháp luật và công ty không thể biết. Tại thời điểm tuyển dụng nhiều công nhân lao động phục vụ nhu cầu sản xuất nên công ty không thể biết, nay công ty T2 yêu cầu khởi kiện của bà B, không có yêu cầu gì khác đồng thời có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố T (nay là Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu) trình bày: Công ty TNHH N (V) có đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn lao động – Bệnh nghề nghiệp cho bà Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1986 căn cước công dân số 089089023544(CMND: 351682046) mã số Bảo hiểm xã hội 77408171479 từ tháng 08 năm 2008 đến tháng 02 năm 2009, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật và có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

+ Về nội dung: Căn cứ Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994 (các Điều 15, 49, 50 và Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019); Các Điều 122, 132, 137 Bộ luật dân sự năm 2005 (Các Điều 117, 122, 127; 131 của Bộ luật dân sự); Áp dụng Điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp hợp đồng lao động.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Thị Ngọc B khởi kiện yêu cầu Tuyên hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động có tên Trịnh Thị Mỹ D (do bà Nguyễn Thị Ngọc B là người ký kết) với người sử dụng lao động là Công ty TNHH N (V) trong khoảng thời gian làm từ tháng 08 năm 2008 đến tháng 02 năm 2009 là vô hiệu toàn bộ. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về hợp đồng lao động” được quy định tại khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Công ty TNHH N (V) có trụ sở tại Lô D, khu công nghiệp V, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Các bên không cung cấp được tài liệu, chứng cứ là Hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH N (V) và bà Nguyễn Thị Ngọc B. Tuy nhiên, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thống nhất có việc giao kết hợp đồng. Sự thừa nhận của các đương sự là tình tiết không phải không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Trịnh Thị Mỹ D dùng nhân thân của bà Nguyễn Thị Ngọc B để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH N (V) từ tháng 08 năm 2008 đến tháng 02 năm 2009 được công ty tham gia BHXH được thể hiện đầy đủ tại sổ bảo hiểm xã hội số: 7408171479.

Qua tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thông tin bảo hiểm xã hội có cơ sở xác định: Việc bà D sử dụng thông tin trong chứng minh nhân dân của bà B để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH N (V) là không đúng chủ thể xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động được quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao

động năm 1994 (Điều 15 Bộ luật Lao động năm 2019). Vì vậy, căn cứ quy định tại Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005 (Điều 127 Bộ luật dân sự năm 2015), xét thấy, yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động người lao động tên Nguyễn Thị Ngọc B và Công ty TNHH N (V) từ tháng 08 năm 2008 đến tháng 02 năm 2009 là có cơ sở chấp nhận.

Do đương sự chỉ yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu và không có yêu cầu giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu nên không xem xét.

Đối với quyền lợi của bà Trịnh Thị Mỹ D do không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét

[5] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn tự nguyện chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 122, 132, 137 Bộ luật dân sự năm 2005 (Các Điều 117, 122, 127; 131 của Bộ luật dân sự);

Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994 (các Điều 15, 49, 50 và Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019);

Áp dụng Điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc B về việc Tranh chấp hợp đồng lao động vô hiệu với bị đơn là Công ty TNHH N (V).

2. Tuyên bố Hợp đồng lao động giao kết giữa bà Nguyễn Thị Ngọc B và Công ty TNHH N (V) từ tháng 08 năm 2008 đến tháng 02 năm 2009 bị vô hiệu.

3. Về hậu quả của Hợp đồng lao động vô hiệu: Bảo hiểm xã hội thành phố T (nay là Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu) thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội đối với bà Nguyễn Thị Ngọc B theo quy định pháp luật.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc B tự nguyện chịu 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001090 ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh).

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Vũ Thị Nhâm